

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 08/2020/HS-PT
Ngày: 07-02-2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Sơn
Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tinh, ông Bùi Thế Xương
- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Yến Nhi – Thư ký Tòa án
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Hữu Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 91/2019/TLPT-HS ngày 12 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Thị Bạch M do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2019/HS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện MCN, tỉnh BTr.

Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Thị Bạch M, sinh năm: 1967 tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: ấp ALG, xã AT, huyện MCN, tỉnh BTr; nghề nghiệp: làm vườn; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Th, sinh năm: 1931 (sống) và bà Mai Thị T, sinh năm 1934 (chết) có chồng là Lê Văn N, sinh năm 1963, có 03 con, lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền án: không, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 26/3/2019 đến ngày 04/4/2019 bị cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay (có mặt).

(Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Trần Thị Ph nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 15 giờ 45 phút ngày 26/3/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện MCN phối hợp cùng Phòng Cảnh sát Hình sự Công an tỉnh Bến Tre bắt quả tang Nguyễn Thị Bạch M đang bán số đề tại nhà ở thuộc ấp ALG, xã AT, huyện MCN, tỉnh BTr cho Lê Minh V .

Tang vật thu giữ gồm:

- 67 phôi đề gồm: 32 phôi đề ký hiệu từ 01 đến 32, trong đó có 31 phôi được xác định bán cho nhiều người trong ngày 26/3/2019; phôi đề ký hiệu số 08 đã bán cho

người khác vào ngày 24/3/2019. 10 phôi đề do bà M giao nộp (ký hiệu từ 33 đến 42) xác định đã bán cho người khác vào các ngày trước đó (không rõ ngày). 25 phôi đề ký hiệu từ 43 đến 67 được xác định đã bán cho người khác vào ngày 24/3/2019. Riêng phôi đề ký hiệu số 51 được xác định đã bán cho người khác vào ngày 23/3/2019.

- Tiền thu được tại nơi bán số đề là 16.901.000 đồng, trên người bà M tạm giữ số tiền 10.000.000 đồng.

- 03 viết bút bi, 01 máy tính hiệu CASIO, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu trắng.

- Thu giữ trên người Lê Minh V số tiền 10.000 đồng.

Để khuyến khích người mua số đề, M trừ huê hồng khi bán số đề cho người mua cụ thể như sau:

Đối với các đài miền Nam: Nếu mua bao lô số có hai chữ số, kết quả xổ số có 18 lô; mua bao lô số có ba chữ số, kết quả xổ số có 17 lô; mua số đá (cặp số có hai chữ số) thì tính như mua bao lô số có hai chữ số rồi nhân đôi. Các hình thức mua số đề này trừ huê hồng cho người mua thì bà M tính còn 13 lô, nếu mua số lượng nhiều thì tính còn 12,7 lô. Mua đầu, đuôi số có hai chữ số (thì có một số đầu, một số đuôi); mua đầu, đuôi số có ba chữ số (thì có một số đầu, một số đuôi), trừ huê hồng M tính tổng cộng rồi nhân cho 80%, nếu mua số lượng nhiều thì tính còn 74%.

Đối với đài Hà Nội: Nếu mua bao lô số có hai chữ số, kết quả xổ số có 27 lô; mua bao lô số có ba chữ số, kết quả xổ số có 23 lô; mua số đá (cặp số có hai chữ số) thì tính như mua bao lô số có hai chữ số rồi nhân đôi. Các hình thức này trừ huê hồng cho người mua thì M tính còn 20 lô. Mua đầu, đuôi số có hai chữ số (gồm bốn số đầu, một số đuôi); mua đầu, đuôi số có ba chữ số (gồm ba số đầu, một số đuôi), trừ huê hồng M tính tổng cộng rồi nhân cho 80%.

Sau khi bán số đề xong, M không giao phôi lại cho người khác mà giữ lại đôi chiếu để chung tiền. Tỷ lệ thắng thua khi mua số đề đài miền Nam, đài Hà Nội được tính như sau: Nếu mua số có hai chữ số thì 1.000 đồng trúng được 70.000 đồng; mua số đá, số có ba chữ số thì 1.000 đồng trúng được 600.000 đồng.

M thừa nhận bán số đề cho người khác bằng hình thức người mua trực tiếp đến mua số đề và bán qua tin nhắn trên điện thoại di động của của mình, số điện thoại 0972553589.

Ngày 26/3/2019, M bán số đề gồm các đài xổ Bến Tre, Vũng Tàu, Bạc Liêu cho những người sau:

- Nguyễn Thị Y trực tiếp mua số đề do M bán với số tiền 913.000 đồng, trừ huê hồng còn lại số tiền phải trả là 720.600 đồng (tính chẵn là 721.000 đồng), bà Yến chưa trả tiền mua số đề nêu trên cho M. Y giao nộp số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc là 721.000 đồng. Số tiền đánh bạc của bà Nguyễn Thị Y là 913.000 đồng.

- Nguyễn Thị V trực tiếp mua số đề do bà M bán với số tiền là 263.000 đồng, trừ huê hồng còn lại số tiền phải trả là 192.000 đồng (thể hiện trong phôi đề số 03), bà Vân đã trả tiền mua số đề cho M xong. Số tiền đánh bạc của bà V là 263.000 đồng.

- Trần Thị Ng mua số đề với số tiền là 2.430.000 đồng, trừ huê hồng còn lại số tiền phải trả là 1.806.000 đồng (thể hiện trong phoi đề số 04). Số tiền bà Ng đã trả cho M để mua số đề là 1.385.000 đồng, còn thiếu lại 421.000 đồng. Bà Ng giao nộp số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc còn lại là 421.000 đồng để xử lý. Số tiền đánh bạc của bà Ng là 2.430.000 đồng.

- Tạ Văn H mua số đề với số tiền là 3.157.000 đồng, trừ huê hồng còn lại số tiền phải trả là 2.286.000 đồng (thể hiện trong phoi đề số 06). Số tiền ông H đã trả cho bà M để mua số đề là 2.280.000đ (do bà M cho ông H số tiền 6.000 đồng). Số tiền đánh bạc của ông H là 3.157.000 đồng.

- Lê Thị A trực tiếp đến gặp M mua số đề với số tiền là 1.080.000 đồng, trừ huê hồng còn lại số tiền phải trả là 800.000 đồng nhưng bà Anh đã trả được 600.000 đồng, còn thiếu lại 200.000 đồng (thể hiện trên phoi đề ký hiệu số 05, 09). Bà A giao nộp số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc còn lại là 200.000 đồng để xử lý. Số tiền đánh bạc của bà A là 1.080.000 đồng.

- Nguyễn Thị G mua số đề với số tiền 573.000 đồng, trừ huê hồng còn lại số tiền phải trả là 435.000 đồng (thể hiện trong phoi đề số 11, 12). Số tiền bà G đã trả cho bà M để mua số đề là 423.000 đồng. Số tiền đánh bạc của bà G là 573.000 đồng.

- Nguyễn Thị M1 mua số đề với số tiền 259.000 đồng, trừ huê hồng còn lại số tiền phải trả là 191.000 đồng (thể hiện trong phoi đề số 13). Số tiền bà M1 đã trả cho bà M để mua số đề là 191.000 đồng. Số tiền đánh bạc của bà M1 là 259.000 đồng.

- Trần Thị Ph sử dụng số điện thoại 0989974309 liên lạc với M để mua số đề với số tiền là 7.207.000 đồng, trừ huê hồng còn lại số tiền phải trả là 5.154.000 đồng (thể hiện trong phoi đề số 16). Bà Ph giao nộp số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc là 5.154.000 đồng để xử lý. Số tiền đánh bạc của bà Ph là 7.207.000 đồng.

- Nguyễn Thị Q mua số đề với số tiền là 1.268.000 đồng, trừ huê hồng còn lại số tiền phải trả là 942.000 đồng (thể hiện trong phoi đề số 27, 30, 31, 32). Bà Q đã giao nộp số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc là 942.000 đồng để xử lý. Số tiền đánh bạc của bà Q là 1.268.000 đồng.

- Bán qua hình thức tin nhắn điện thoại cho bà V (không rõ địa chỉ cụ thể), sử dụng số điện thoại 0358858986 nhắn tin vào số điện thoại 0972553589 của M mua số đề với số tiền 6.660.000 đồng. Bà V chưa trả tiền mua số đề cho M .

- Lê Minh V mua số đề với số tiền là 390.000 đồng, trừ huê hồng còn lại số tiền phải trả là 295.000 đồng, đã trả xong tiền cho M (thể hiện trong phoi đề 01). Sau đó, ông V tiếp tục mua số đề với số tiền là 18.000 đồng, trừ huê hồng còn lại số tiền phải trả là 15.000 đồng (thể hiện trong phoi đề 01), M chưa thu tiền bán số đề thì bị Cơ quan Công an bắt quả tang. Số tiền đánh bạc của ông V là 408.000 đồng.

Đang trong lúc cơ quan Điều tra tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với M thì ông Nguyễn Văn T đến mua số đề của M nên bị Cơ quan Công an mời làm việc.

Ngoài ra, vào ngày 26/3/2019, M bán số đề cho nhiều người khác nhưng không rõ tên, địa chỉ thể hiện trên các phoi đề thu giữ còn lại gồm:

- Phơi đề ký hiệu số 01: Ngoài bán cho Lê Minh V, M còn bán cho nhiều người khác nhưng không nhớ tên họ địa chỉ cụ thể ở đâu. Các con số bà M bán trong phơi này cũng với hình thức đầu, đuôi, bao lô hai con số, ba con số; đá số các đài Bến Tre, Vũng Tàu, Bạc Liêu với tổng số tiền 4.414.000 đồng (sau khi đã trừ số tiền bán cho Lê Minh V là 408.000 đồng), trừ huê hồng còn lại số tiền 3.352.400 đồng, những người này đã trả tiền cho M xong.

- Phơi đề ký hiệu số 07, 10, 14, 15, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 28, 29, hình thức bán đầu, đuôi, bao lô hai con số, ba con số; đá số các đài Bến Tre, Vũng Tàu, Bạc Liêu với tổng số tiền là 7.337.000 đồng, trừ huê hồng còn lại số tiền phải trả là 5.438.900 đồng, những người mua đã trả tiền cho M xong.

Do hành vi đánh bạc trái phép của M, bà Phụng và những người khác vào ngày 26/3/2019 bị phát hiện trước khi có kết quả xổ số nên tổng cộng số tiền đánh bạc của M là 35.969.000 đồng, của Phụng là 7.207.000 đồng. Sau khi trừ huê hồng và một số người chưa trả tiền mua số đề M thu lợi bất chính số tiền là 14.147.600 đồng, Phụng không có thu lợi bất chính.

Ngày 24/3/2019, M bán số đề thể hiện trên các phơi đề thu giữ trong lúc bắt quả tang ký hiệu 08, từ 43 đến 50 và từ 52 đến 67, cụ thể như sau:

- Phơi đề ký hiệu số 08 bán cho bà Nguyễn Thị Kim E với tổng số tiền là 637.000 đồng, trừ huê hồng còn lại số tiền phải trả là 466.000 đồng. Số tiền đánh bạc của bà Kim E là 637.000 đồng.

- Phơi đề ký hiệu số 43, 61, 65 bán cho bà Nguyễn Thị G với tổng số tiền 642.500 đồng, trừ huê hồng còn lại số tiền phải trả là 474.000 đồng, trong đó số tiền trúng trên phơi là 35.000 đồng. Bà G đã giao nộp lại số tiền 35.000 đồng thu lợi bất chính cho Cơ quan điều tra để xử lý. Số tiền đánh bạc của bà G là 642.500 đồng + 35.000 đồng = 677.500 đồng.

- Phơi đề ký hiệu số 44, 46, 47, 49 bán cho bà Nguyễn Thị Q với tổng số tiền là 1.380.000 đồng, trừ huê hồng còn lại số tiền phải trả là 1.006.000 đồng, trong đó số tiền trúng trên phơi là 420.000 đồng. Bà Q đã giao nộp lại số tiền 420.000 đồng thu lợi bất chính cho Cơ quan điều tra để xử lý. Số tiền đánh bạc của bà Q là 1.380.000 đồng + 420.000 đồng = 1.800.000 đồng.

- Phơi đề ký hiệu số 45 bán cho bà Nguyễn Thị M với tổng số tiền 214.500 đồng, trừ huê hồng còn lại số tiền phải trả là 150.000 đồng, trong đó số tiền trúng trên phơi là 350.000 đồng. Bà M đã giao nộp số tiền 350.000 đồng thu lợi bất chính cho Cơ quan điều tra để xử lý. Số tiền đánh bạc của bà M là 214.500 đồng + 350.000 đồng = 564.500 đồng.

- Phơi đề ký hiệu số 54, 62 bán cho bà Nguyễn Thị V với tổng số tiền là 541.000 đồng, trừ huê hồng còn lại số tiền phải trả là 397.000 đồng, trong đó số tiền trúng trên phơi là 140.000 đồng. Bà V giao nộp số tiền thu lợi bất chính từ việc trúng số đề là 140.000 đồng cho Cơ quan điều tra để xử lý. Số tiền đánh bạc của bà V là 541.000 đồng + 140.000 đồng = 681.000 đồng.

- Phơi đề ký hiệu số 57 bán cho ông Tạ Văn H với tổng số tiền là 351.000 đồng, trừ huê hồng còn lại số tiền phải trả là 260.000 đồng. Số tiền đánh bạc của ông H là 351.000 đồng.

- Các phơi đề ký hiệu số 48, 50, 52, 53, 55, 56, 58, 59, 60, 63 64, 66, 67 M không xác định được đã bán cho ai. Hình thức bán đầu, đuôi, bao lô hai chữ số, ba chữ số, số đá các đài Tiền Giang, Kiên Giang, Đà Lạt và đài Miền Bắc với tổng số tiền 19.717.000 đồng, trừ huê hồng còn lại số tiền 14.421.000 đồng. Trong đó, số tiền trúng trên phơi 52 là 600.000 đồng, phơi 55 là 70.000 đồng, phơi 58 là 3.780.000 đồng, phơi 63 là 14.000.000 đồng. Trong phơi đề ký hiệu số 66 có hai lô đề trùng với hai lô đề của phơi đề ký hiệu số 63, số tiền trúng trên phơi 66 là 420.000 đồng.

Tổng số tiền đánh bạc của M vào ngày 24/3/2019 là 43.648.000 đồng. Số tiền trúng đề là 20.165.000 đồng. Như vậy, sau khi trừ huê hồng và số tiền trúng đã chung cho những người trúng đề, bà M còn thu lợi bất chính là 16.229.000 đồng.

Ngày 23/3/2019, bà M bán số đề cho những người sau:

- Nguyễn Thị Q mua số đề với tổng số tiền là 513.000 đồng, trừ huê hồng còn lại số tiền phải trả là 380.000 đồng. Kết quả xổ số trúng được số tiền là 440.000 đồng. Bà Q đã giao nộp số tiền thu lợi bất chính từ việc trúng số đề là 440.000 đồng cho Cơ quan điều tra để xử lý. Số tiền đánh bạc của bà Q là 534.000 đồng + 440.000 đồng = 974.000 đồng.

- Nguyễn Văn T mua số đề với tổng số tiền 534.000 đồng, trừ huê hồng còn lại số tiền phải trả là 439.000 đồng. Kết quả xổ số trúng được số tiền 140.000 đồng. Ông Tám giao nộp số tiền thu lợi bất chính từ việc trúng số đề là 140.000 đồng và 03 giấy ghi (phơi đề) ông đã lưu giữ được sử dụng để mua số đề vào 02 ngày 23/3/2019 (02 phơi) và 26/3/2019 (01 phơi) cho Cơ quan điều tra để xử lý. Số tiền đánh bạc của ông Tám là 534.000 đồng + 140.000 đồng = 674.000 đồng.

Tổng số tiền đánh bạc của bà M vào ngày 23/3/2019 là 1.648.000 đồng.

Các phơi đề ký hiệu từ số 33 đến số 42 không xác định được thời gian bán và người mua nhưng trong phơi thể hiện hình thức mua bao lô, đầu, đuôi, đá số đài Miền Bắc với tổng số tiền là 3.891.000 đồng, trừ huê hồng còn 2.890.000 đồng nên số tiền đánh bạc của M thể hiện trong các phơi đề ký hiệu từ số 33 đến số 42 là 3.891.000 đồng, thu lợi bất chính là 2.890.000 đồng.

Vật chứng thu giữ gồm: 70 phơi đề, trong đó thu giữ của Nguyễn Thị Bạch M 67 phơi, Nguyễn Văn T 03 phơi; 03 viết (bút bi); 01 cái rổ bằng nhựa màu vàng nhạt có hai tay xách; 01 máy tính hiệu CASIO; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu trắng và 01 sim Viettel số 0972553589; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu vàng và sim số 0989974309; tiền mặt 26.901.000 đồng thu giữ của Nguyễn Thị Bạch M, số tiền 5.154.000 đồng do Trần Thị Ph giao nộp, số tiền 3.809.000 đồng do Lê Thị A, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị Q, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị G, Trần Thị Ng và Nguyễn Văn T giao nộp và 10.000 đồng thu giữ của Lê Minh V.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2019/HS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện MCN, tỉnh Bến Tre đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Bạch M phạm “Tội đánh bạc”. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều

51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 2 Điều 35 và Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bạch M 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án nhưng được trừ các ngày bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/3/2019 đến ngày 04/4/2019. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về phân trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Trần Thị Ph, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 19/11/2019, bị cáo Nguyễn Thị Bạch M kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm cho bị cáo hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tiền.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bạch M từ 60.000.000 đồng đến 90.000.000 đồng về “Tội đánh bạc”.

Bị cáo nói lời sau cùng: yêu cầu hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền để bị cáo nuôi các con đang đi học và tiếp tục điều trị bệnh thần kinh mất ngủ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem là hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai nhận hành phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm đã xác định rằng: trong hai ngày 24/3/2019 và ngày 26/3/2019 tại ấp ALG, xã AT, huyện MCN, tỉnh BTr Nguyễn Thị Bạch M đã có hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức bán số đề. Trong đó, ngày 24/3/2019 Nguyễn Thị Bạch M bán cho bà Kim E số tiền 637.000 đồng, bán cho bà G số tiền 677.500 đồng, bán cho bà Q số tiền 1.800.000 đồng, bán cho bà M số tiền 564.500 đồng, bán cho bà V số tiền 681.000 đồng, bán cho ông H số tiền 351.000 đồng và nhiều người khác không xác định thể hiện trên các phôi đề số 48, số tiền 391.000 đồng, phôi đề số 50 số tiền 250.000 đồng, phôi đề số 52 số tiền 2.580.000 đồng, phôi đề số 53 số tiền 672.000 đồng, phôi đề số 55 số tiền 103.000 đồng, phôi đề số 56 số tiền 135.000 đồng, phôi đề số 58 là 5.913.000 đồng, phôi đề số 59 số tiền 2.410.000 đồng, phôi đề số 60 là 891.000 đồng, phôi đề số 63 số tiền 19.110.000 đồng, phôi đề số 64 là 129.000 đồng, phôi đề số 66 số tiền 5.084.000 đồng, phôi đề số 67 số tiền 1.269.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 16.229.000 đồng. Ngày 26 tháng 3 năm 2019 bán cho bà Y số tiền 913.000 đồng, bà V số tiền 263.000 đồng, bà Ng số tiền

2.430.000 đồng, ông H số tiền 3.157.000 đồng, bà A số tiền 1.080.000 đồng, bà G số tiền 573.000 đồng, bà M số tiền 259.000 đồng, bà Ph số tiền 7.207.000 đồng, bà Q số tiền 1.268.000 đồng, bà V (không xác định) số tiền 6.660.000 đồng, ông V số tiền 408.000 đồng và nhiều người khác không xác định trên các phôi đề ký hiệu số 01 số tiền 4.414.000 đồng, phôi đề số 07, 10, 14, 15, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 28, 29 với tổng số tiền là 7.337.000 đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo phạm “Tội đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án đối với bị cáo M là đúng quy định pháp luật, không oan, sai.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo điểm i, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo bổ sung thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới như: theo sổ khám bệnh của Bệnh viện tâm thần thuộc Sở y tế tỉnh Bến Tre thì bị cáo đang điều trị bệnh trầm cảm (F32), rối loạn giấc ngủ không thực tồn (F51). Xác định của chính quyền địa phương xã AT, huyện MCN thì bị cáo phải nuôi hai con còn nhỏ đang đi học trong khi chồng bị cáo thì bỏ nhà theo người phụ nữ khác. Thấy rằng, bị cáo đang điều trị bệnh tại Bệnh viện tâm thần, đồng thời là lao động chính trong gia đình tạo ra thu nhập để nuôi dưỡng, chăm sóc, lo cho các con ăn học. Vì vậy, việc bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù sẽ ảnh hưởng lớn đến cuộc sống gia đình, đặc biệt là hai con của bị cáo đang đi học nên chấp nhận kháng cáo của bị cáo và đề nghị của Kiểm sát viên áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền cũng đủ điều kiện để cải tạo giáo dục bị cáo, đồng thời cũng thể hiện tinh thần nhân đạo của pháp luật. Do hình phạt chính được áp dụng đối với bị cáo là hình phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền theo khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm, bị cáo phải chịu do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm đ khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bạch M 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng về “Tội đánh bạc” để nộp vào ngân sách Nhà nước. Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Nguyễn Thị Bạch M.

2- Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: án phí hình sự phúc thẩm bị cáo Nguyễn Thị Bạch M không phải chịu.

3- Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị Ph, xử lý vật chứng, án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân H. MCN (3b);
- Công an và VKSND H. MCN (2b);
- Chi cục THADS H. MCN (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- UBND xã AT, H. MCN (1b);
- Bị cáo (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Bùi Quang Sơn